

Bản án số: **03/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 12-01-2023

Về việc: “Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Viết Xứng**

Ông **Vũ Trung Thành**

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Đào Thị Quỳnh Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* ông Lê Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/12/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/12/2022, giữa:

*Nguyên đơn: **Trần Thị N**, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ 2, ấp Tân Hà. xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

*Bị đơn: **Lê Văn H**, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ 2, ấp Tân Hà. xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Trần Thị N** trình bày:

Về hôn nhân: chị N và anh Lê Văn H kết hôn tự nguyện vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kỳ Thịnh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh vào năm 2001 (số đăng ký 12 ngày 10/4/2001).

Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau, anh H hay nhậu say không làm chủ được bản thân nên có hành vi bạo lực với chị N. Chị N cũng đã khuyên nhủ và bỏ qua rất nhiều nhưng anh H không thay đổi làm cho hạnh phúc vợ chồng ngày càng nhạt dần. Chị N xác định đã hết tình cảm với anh H nên không thể tiếp tục chung sống với anh H và đề nghị tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Lê Văn H.

Về con chung: Chúng tôi có chung 02 con là Lê Thanh Nh, sinh năm 2001 và Lê Thị Thanh P, sinh ngày 18/12/2006. Chị N yêu cầu được nuôi cháu P, còn cháu Nh đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn H trình bày:*

Về hôn nhân: anh H và chị Trần Thị N kết hôn tự nguyện vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kỳ Thịnh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh vào năm 2001 (số đăng ký 12 ngày 10/4/2001).

Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H thi thoảng có uống rượu và không làm chủ được lời nói của mình nên đã xảy ra cự cãi nhau, thậm chí có lúc xô sát nhau làm cho gia đình mất hạnh phúc. Bản thân anh H đã nhận thấy mình chưa đúng với vợ và có nói vợ thông cảm bỏ qua để vợ chồng sống với nhau lo cho con cái nhưng chị N không nghe.

Anh H xác định tình cảm của dành cho chị N vẫn còn nên không muốn vợ chống ly hôn để khổ cho con cái. Anh H đề nghị Tòa án hòa giải cho chúng tôi được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng anh H có 02 con chung là Lê Thanh Nh, sinh năm 2001 và Lê Thị Thanh P, sinh ngày 18/12/2006. Trường hợp chị N cương quyết ly hôn mà được Tòa án chấp nhận thì tùy theo nguyên vọng của con muốn ở với ai thì Tòa án giao cho người đó nuôi, nếu cháu ở với mẹ thì tôi sẽ cấp dưỡng nuôi con tùy theo khả năng của mình.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị N với anh Lê Văn H;

Giao con chung là Lê Thị Thanh P, sinh ngày 18/12/2006 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Trần Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn, nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp D, thị trấn T, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao, tổng đạt hợp lệ các Thông báo, Quyết định tố tụng cho các bên đương sự. Chị Trần Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Lê Văn H vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án không có lý do. Xét cần áp dụng Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt chị N và anh H là phù hợp.

3. Yêu cầu của đương sự:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị N và anh Lê Văn H kết hôn tự nguyện vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kỳ Thịnh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh vào năm 2001 (số đăng ký 12 ngày 10/4/2001). Xét đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn cho đến nay. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không có sự tin tưởng, chia sẻ, quan tâm lẫn nhau, anh H có hành vi bạo lực gia đình dẫn đến vợ chồng sống không có hạnh phúc. Chị N và anh H không tìm được cách giải quyết những mâu thuẫn phát sinh trong cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích hậu quả của việc ly hôn và kiên trì hòa giải tạo điều kiện về thời gian cho các bên đương sự suy nghĩ nhưng chị N xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết nên cương quyết xin ly hôn với anh H. Về phía anh H có nguyện được đoàn tụ gia đình nhưng khi Tòa án triệu tập nhiều lần để hòa giải, hàn gắn mối quan hệ vợ chồng giữa các bên nhưng anh H không tham gia và tại phiên tòa anh H vắng mặt không có lý do, chứng tỏ anh H cũng không có thiện chí cùng chị N đoàn tụ gia đình.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Lê Văn H là phù hợp.

[2] Về con chung: chị N và anh H có 02 con chung là Lê Thanh Nh, sinh năm 2001 và Lê Thị Thanh P, sinh ngày 18/12/2006. Do cháu Nh đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu P, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của con; mặt khác anh H cũng đồng ý theo nguyện vọng của con. Do vậy cần áp dụng Điều 82,83 luật hôn nhân gia đình giao cháu Lê Thị Thanh P cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương

sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viên kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm các bên phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên xử cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Lê Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Thị Thanh P, sinh ngày 18/12/2006 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018993 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Đồng Phú;
- THA huyện Đồng Phú;
- UBND xã Kỳ Thịnh, Kỳ Anh, Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương

